

- ung thư thường gặp. Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, 92–105.
2. **Douillard J.-Y., Tribodet H., Aubert D. và cộng sự. (2010).** Adjuvant cisplatin and vinorelbine for completely resected non-small cell lung cancer: subgroup analysis of the Lung Adjuvant Cisplatin Evaluation. *J Thorac Oncol*, 5(2), 220–228.
  3. **Winton T., Livingston R., Johnson D. và cộng sự. (2005).** Vinorelbine plus cisplatin vs. observation in resected non-small-cell lung cancer. *N Engl J Med*, 352(25), 2589–2597.
  4. **Moumtzi D., Lampaki S., Zarogoulidis P. và cộng sự. (2016).** Prognostic factors for long term survival in patients with advanced non-small cell lung cancer. *Ann Transl Med*, 4(9).
  5. **Douillard J.-Y., Rosell R., De Lena M. và cộng sự. (2006).** Adjuvant vinorelbine plus cisplatin versus observation in patients with completely resected stage IB–IIIA non-small-cell lung cancer (Adjuvant Navelbine International Trialist Association [ANITA]): a randomised controlled trial. *Lancet Oncol*, 7(9), 719–727.
  6. **Shukuya T., Takahashi T., Tamiya A. và cộng sự. (2009).** Evaluation of the safety and compliance of 3-week cycles of vinorelbine on days 1 and 8 and cisplatin on day 1 as adjuvant chemotherapy in Japanese patients with completely resected pathological stage IB to IIIA non-small cell lung cancer: a retrospective study. *Jpn J Clin Oncol*, 39(3), 158–162.
  7. **Douillard J.-Y., Gervais R., Dabouis G. và cộng sự. (2005).** Sequential two-line strategy for stage IV non-small-cell lung cancer: docetaxel–cisplatin versus vinorelbine–cisplatin followed by cross-over to single-agent docetaxel or vinorelbine at progression: final results of a randomised phase II study. *Ann Oncol*, 16(1), 81–89.
  8. **Douillard J.-Y., Tribodet H., Aubert D. và cộng sự. (2010).** Adjuvant cisplatin and vinorelbine for completely resected non-small cell lung cancer: subgroup analysis of the Lung Adjuvant Cisplatin Evaluation. *J Thorac Oncol*, 5(2), 220–228.

## KHẢO SÁT KIẾN THỨC THÁI ĐỘ CỦA NGƯỜI BỐ VỀ NUÔI CON BẰNG SỮA MẸ TẠI KHOA SẢN BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG THÁI NGUYÊN

Nguyễn Thị Hồng\*, Nguyễn Phương Sinh\*, Ngô Thị Vân Huyền\*,  
Bé Thị Hoa\*, Hoàng Thị Thu\*, Nguyễn Thị Duyên\*

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả kiến thức, thái độ của người bố về nuôi con bằng sữa mẹ tại khoa Sản Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang 175 người chồng của sản phụ sau sinh tại khoa Sản bệnh viện Trung ương Thái Nguyên từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2021. **Kết quả và kết luận:** Tuổi trung bình của người cha là  $29,82 \pm 5,43$ . Người cha có kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ không tốt chiếm tỷ lệ 70,9%. Người cha có kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ tốt chiếm tỷ lệ 29,1%. Người cha có thái độ tiêu cực trong nuôi con bằng sữa mẹ chiếm tỷ lệ 54,3%. Người cha có thái độ tích cực trong nuôi con bằng sữa mẹ chiếm tỷ lệ 45,7%. **Kiến nghị:** Cần tăng cường giáo dục người bố các kiến thức và lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ và khuyến khích họ trở thành người hỗ trợ bạn đời của mình trong việc nuôi con bằng sữa mẹ.

**Từ khóa:** người bố, nuôi con bằng sữa mẹ, kiến thức, thái độ.

### SUMMARY

#### SURVEY ON KNOWLEDGES AND ATTITUDES OF FATHERS TO BREASTFEEDING AT THE

\*Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên  
Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Hồng  
Email: drnguyenthihong77@gmail.com  
Ngày nhận bài: 18.5.2022  
Ngày phản biện khoa học: 1.7.2022  
Ngày duyệt bài: 11.7.2022

### DEPARTMENT OF OBSTETRICS IN THAI NGUYEN NATIONAL HOSPITAL

**Objectives:** To describe knowledges and attitudes of fathers to breastfeeding at the Department of Obstetrics and Gynecology in Thai Nguyen National Hospital. **Subject and method:** A cross-sectional descriptive study on 175 husbands of pregnant women after giving birth at the Department of Obstetrics and Gynecology in Thai Nguyen National Hospital from May to July 2021. **Results and conclusions:** The average age of the fathers was  $29.82 \pm 5.43$ . The fathers had poor knowledge about breastfeeding accounted for 70.9%. 29.1% fathers had good knowledge about breastfeeding. The rate of fathers who had a negative attitude to breastfeeding was 54.3%. The fathers had a positive attitude in breastfeeding were 45.7%. **Petition:** It is important to educate fathers on the knowledge and benefits of breastfeeding and encourage them to become their partner's facilitators in breastfeeding.

**Key word:** fathers, breastfeeding, knowledge, attitude.

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nuôi con hoàn toàn bằng sữa mẹ trong sáu tháng đầu đời mang lại nhiều lợi ích, đặc biệt là đối với sức khỏe trẻ em, cung cấp các chất dinh dưỡng cần thiết và bảo vệ cho trẻ tránh các bệnh gây tử vong như viêm phổi, tiêu chảy; thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển của trẻ, phòng chống suy dinh dưỡng. Tiếp tục cho trẻ bú mẹ sau 6 tháng, cho tới 2 tuổi hoặc lâu hơn, kết hợp

với việc ăn bổ sung các thực phẩm an toàn và phù hợp, là cách thức nuôi dưỡng trẻ tối ưu và thực sự là tiết kiệm và hiệu quả. Theo WHO, trẻ sơ sinh được bắt đầu bú mẹ trong vòng từ 2 – 23 giờ sau khi sinh có nguy cơ tử vong cao hơn 33% so với những trẻ bắt đầu bú mẹ trong vòng một giờ đầu sau sinh. Với những trẻ sơ sinh bắt đầu bú sữa mẹ 24 giờ sau khi sinh hoặc lâu hơn nữa thì nguy cơ cao gấp 2 lần [6]. Vấn đề cho con bú sớm và bú đúng luôn là một khó khăn với các bà mẹ, đặc biệt là với những người sinh con lần đầu. Có thể kể đến các nguyên nhân như: các nhân viên y tế chưa thực sự quyết tâm và chưa sẵn sàng hỗ trợ các bà mẹ cho con bú ngay giờ đầu tiên sau khi sinh, tỉ lệ mổ lấy thai ngày càng tăng lên, ảnh hưởng của yếu tố văn hóa hay chính người mẹ chưa có đủ kiến thức về việc cho con bú sớm.

Để tăng cường thực hành nuôi con bằng sữa mẹ, điều quan trọng nhất là chúng ta phải tạo ra một môi trường hỗ trợ và bảo vệ cho bà mẹ và trẻ em. Các bà mẹ và gia đình của họ cần hiểu được lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ cũng như những rủi ro của việc nuôi dưỡng thiếu tự nhiên. Sự thành công của việc nuôi con bằng sữa mẹ phụ thuộc đáng kể vào sự hỗ trợ về tâm lý và tình cảm của người chồng đối với vợ. Người cha làm nên sự khác biệt: hỗ trợ tình cảm, tham gia chia sẻ công việc, có một vai trò quan trọng trong hỗ trợ nuôi con bằng sữa mẹ nói riêng, chăm sóc trẻ nói chung [1]. Bởi vậy, chúng tôi thực hiện đề tài: Khảo sát kiến thức thái độ của người bố về nuôi con bằng sữa mẹ tại khoa Sản Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên với mục tiêu sau đây: *Mô tả kiến thức, thái độ của người bố về nuôi con bằng sữa mẹ tại khoa Sản Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.*

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**2.1. Đối tượng nghiên cứu.** Tất cả chồng của sản phụ sau sinh tại khoa Phụ Sản bệnh viện TW TN từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2021.

### ❖ **Tiêu chuẩn chọn đối tượng nghiên cứu**

- Chồng của thai phụ có tuổi thai lúc đẻ từ 37 - 41 tuần.
- Cân nặng trẻ > 2500g.
- Hai vợ chồng thai phụ sẵn sàng tham gia vào nghiên cứu.
- Chồng sản phụ là người Việt Nam.

### ❖ **Tiêu chuẩn loại trừ**

- Các trường hợp chồng có vợ chống chỉ định cho con bú: mẹ HIV, lao phổi tiến triển, nhiễm trùng nặng, dùng thuốc chống ung thư, điều trị bệnh lý tuyến giáp...

- Chồng của sản phụ có con nằm điều trị tại khoa Nhi sơ sinh.

- Chồng của sản phụ không tuân thủ điều trị, chuyển viện, trốn viện.

### ❖ **Địa điểm và thời gian nghiên cứu**

- Địa điểm tại Khoa Sản Bệnh viện trung ương Thái Nguyên.
- Thời gian nghiên cứu 5/2021 đến tháng 7 năm 2021.

**2.2. Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang

### **2.3. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu**

2.3.1. Cỡ mẫu. Mẫu thuận tiện không xác suất, lấy tất cả các những bệnh nhân sau đẻ hoặc mổ lấy thai tại khoa Phụ Sản bệnh viện TW TN từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2021.

2.3.2. Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu thuận tiện.

### **2.4. Chỉ tiêu nghiên cứu**

- Đặc điểm nhân khẩu học của ông bố: tuổi, nghề nghiệp, địa dư, trình độ học vấn, điều kiện kinh tế.

- Kiến thức, thái độ và về nuôi con bằng sữa mẹ.

### **2.5. Tiêu chuẩn và cách đánh giá**

- Bộ câu hỏi soạn sẵn: sau khi xây dựng, bộ câu hỏi được thử nghiệm trên 30 người chồng có vợ đến đẻ tại Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên để xác định độ tin cậy của bộ công cụ trước khi đưa vào nghiên cứu với Cronbach  $\alpha = 0,80$ .

#### **Cách đánh giá:**

- Về kiến thức: mỗi câu trả lời đúng sẽ được 1 điểm, sai là 0 điểm. Kiến thức với điểm thấp nhất là 0 và điểm cao nhất có thể đạt được là 10. Sau đó, sẽ tính tổng điểm của mỗi phần kiến thức và phân loại kiến thức.

+ Kiến thức (10 điểm): 0- 6 điểm -> Kiến thức không tốt;

+ Từ 7-10 điểm -> Kiến thức tốt

- Về Thái độ: các câu hỏi khảo sát thái độ chia mức độ từ 1-5 điểm: Rất tán thành, tán thành, không có ý kiến, không tán thành, rất không tán thành. Thái độ với điểm thấp nhất là 12 và điểm cao nhất có thể đạt được là 60. Sau đó, sẽ tính tổng điểm và phân loại điểm như sau.

+ Thái độ (60 điểm): < 40 điểm -> Thái độ tiêu cực;

+ Từ 40 điểm trở lên -> Thái độ tích cực

### **2.6. Phương pháp thu thập số liệu**

- Đối tượng nghiên cứu được giải thích và phát bộ câu hỏi đã soạn sẵn dưới sự giám sát và hỗ trợ của nhóm nghiên cứu.

- Nhóm nghiên cứu nhận lại bộ câu hỏi đã trả lời, kiểm tra và thu thập thêm thông tin trong phạm vi của nghiên cứu (nếu cần thiết).

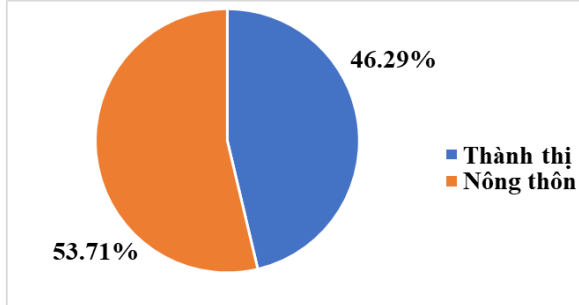
**2.7. Xử lý số liệu:** sử dụng phần mềm SPSS 22.0

**2.8. Đạo đức trong nghiên cứu:** Đề cương nghiên cứu đã được thông qua Hội đồng y đức của Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên.

**III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

Qua nghiên cứu phỏng vấn 175 người bố kết quả như sau

**3.1. Đặc điểm của đối tượng nghiên cứu.** Tuổi trung bình của người cha: 29,82 ± 5,43 tuổi trẻ nhất 20 tuổi, lớn nhất 47 tuổi.



**Biểu đồ 3.1** Phân bố nơi ở của đối tượng nghiên cứu

**Nhận xét:** Tỷ lệ người cha sống ở thành thị chiếm 46,29%.

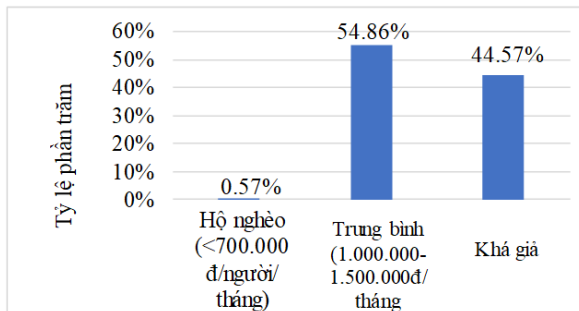
Tỷ lệ người cha sống ở nông thôn chiếm 53,71%

**Bảng 3.1. Trình độ văn hóa của đối tượng nghiên cứu**

Trình độ văn hóa	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Tiểu học	1	0.6
Trung học cơ sở	10	5.7
Trung học phổ thông/trung cấp	59	33.7
Cao đẳng /Đại học/Sau đại học	105	60.0
<b>Tổng</b>	<b>175</b>	<b>100.0</b>

**Nhận xét:** Người cha có trình độ văn hóa là tiểu học chiếm tỷ lệ thấp nhất 0,6%.

Người cha có trình độ văn hóa cao đẳng/Đại học/ Sau đại học chiếm tỷ lệ cao nhất 60,0%.



**Biểu đồ 3.2.** Tình trạng kinh tế gia đình

**Nhận xét:** Kinh tế gia đình thuộc hộ nghèo chiếm tỷ lệ thấp nhất 0,57%.

Kinh tế gia đình thuộc hộ trung bình chiếm tỷ lệ cao nhất 54,66%.

**Bảng 3.2. Phân bố nghề nghiệp của đối tượng**

Nghề nghiệp	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Nông dân	20	11.4
Công nhân	83	47.4
Cán bộ công chức	55	31.4
Nghề khác	17	9.8
<b>Tổng</b>	<b>175</b>	<b>100.0</b>

**Nhận xét:** Người cha làm công nhân chiếm tỷ lệ cao nhất 47,4%.

Người cha làm nghề khác chiếm tỷ lệ thấp nhất 9,8%.

**3.2. Thực trạng kiến thức thái độ của người cha trong việc nuôi con bằng sữa mẹ**

**Bảng 3.3. Kiến thức người cha trong việc nuôi con bằng sữa mẹ**

Kiến thức người cha	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Không tốt (1-6đ)	124	70.9
Tốt (7-9đ)	51	29.1
<b>Tổng</b>	<b>175</b>	<b>100.0</b>

**Nhận xét:** Người cha có kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ không tốt chiếm tỷ lệ 70,9%. Người cha có kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ tốt chiếm tỷ lệ 29,1%.

**Bảng 3.4. Thái độ của người cha đối với việc cho con bú**

Thái độ người cha	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Thái độ tiêu cực (<40đ)	95	54.3
Thái độ tích cực(40-60đ)	80	45.7
<b>Tổng</b>	<b>175</b>	<b>100.0</b>

**Nhận xét:** Người cha có thái độ tiêu cực trong nuôi con bằng sữa mẹ chiếm tỷ lệ 54,3%. Người cha có thái độ tích cực trong nuôi con bằng sữa mẹ chiếm tỷ lệ 45,7%.

**IV. BÀN LUẬN**

**Bàn luận về đối tượng nghiên cứu.** Tại nghiên cứu này chúng tôi nghiên cứu 175 ông bố có vợ đến đẻ tại bệnh viện Trung ương Thái Nguyên để khảo sát về kiến thức, thái độ trong việc nuôi con bằng sữa mẹ. Tại Việt Nam hiện tại vẫn chưa có nghiên cứu nào về vấn đề này, tuy nhiên một số ít nghiên cứu trên thế giới đã chỉ ra rằng người cha đóng vai trò cốt lõi vì quyết định cho con bú. Những bà mẹ nhận được sự hỗ trợ từ chồng của họ thường chọn nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn và tối ưu cho trẻ, và cơ hội tiếp tục thực hành nuôi con bằng sữa mẹ cao hơn. Nhiều nghiên cứu cũng chỉ ra rằng sự hỗ trợ từ

người bố được các bà mẹ đánh giá rất cao. Nghiên cứu của Yasmin Mithani tiến hành phỏng vấn 12 ông bố tại khu vực thành thị và bán thành thị tại Pakistan, tiêu chuẩn lựa chọn đối tượng nghiên cứu của họ bao gồm: Người cha khỏe mạnh, các cặp vợ chồng có con đủ tháng khỏe mạnh, trước đây đã cho ít nhất một đứa trẻ bú sữa mẹ, các cặp vợ chồng không sử dụng biện pháp tránh thai nội tiết, cân nặng sơ sinh trên 2,5 kg [4]. Nghiên cứu này khác chúng tôi về cỡ mẫu nghiên cứu và vấn đề đã từng nuôi con bằng sữa mẹ, nghiên cứu của chúng tôi bao gồm cả những ông bố sinh con lần đầu. Tuy nhiên với sự tiếp cận dễ dàng với các nguồn thông tin và truyền thông như hiện nay, các ông bố dù lần đầu sinh con cũng đã có những kiến thức nhất định về việc nuôi con bằng sữa mẹ. Một nghiên cứu khác của Rempel, 21 cặp vợ chồng trong đó bà mẹ đang cho con bú đã tham gia vào các cuộc phỏng vấn kéo dài 30-50 phút được thực hiện tại nhà riêng của họ, trong đó có 13 cặp vợ chồng đang nuôi đứa con đầu tiên [5]. Như vậy đối tượng nghiên cứu của họ giống với nghiên cứu của chúng tôi là thực hiện trên cả đối tượng đã từng nuôi con và nuôi con lần đầu. Tuy nhiên có sự khác nhau về thời điểm nghiên cứu, chúng tôi nghiên cứu tại bệnh viện một vài ngày sau sinh, tác giả Pempel nghiên cứu tại cộng đồng khi con của các cặp vợ chồng đã được 1 đến 4 tuổi, như vậy họ đã có thời gian trải nghiệm về việc nuôi con bằng sữa mẹ. Mặc dù vậy, chúng tôi nghiên cứu trên cỡ mẫu lớn hơn nhiều nên vẫn đảm bảo khảo sát được kiến thức, thái độ của các ông bố nuôi con bằng sữa mẹ.

Về tuổi của đối tượng nghiên cứu, tuổi trung bình của người cha:  $29,82 \pm 5,43$  tuổi trẻ nhất 20 tuổi, lớn nhất 47 tuổi. Nghiên cứu của tác giả Rempel, tuổi của các ông bố từ 27 đến 48 tuổi (trung bình là 33) [5], nghiên cứu của tác giả Lourdes García-Fragoso, tuổi trung bình của những người tham gia là 27 tuổi [3]. Như vậy độ tuổi của người cha trong nghiên cứu của chúng tôi với các tác giả khác không có sự chênh lệch.

Về trình độ văn hóa và điều kiện kinh tế, trong nghiên cứu của chúng tôi, người cha có trình độ văn hóa cao đẳng/ Đại học/ Sau đại học chiếm tỷ lệ cao nhất 60,0%, kinh tế gia đình thuộc hộ trung bình trở lên chiếm đến 99,43%, hầu hết các đối tượng đều có nghề nghiệp. Theo nghiên cứu của Rempel tiến hành tại Canada, tất cả các ông bố đều đã đi làm, mức thu nhập trung bình trên trung bình [5]. Canada là một đất nước phát triển, chế độ thai sản và an sinh xã hội rất tốt nên mặc dù có sự tương đồng cơ

bản đề việc làm và trình độ văn hóa nhưng sẽ có những điểm đặc trưng riêng giữa các nước.

**Bàn luận về kiến thức của người cha về việc nuôi con bằng sữa mẹ.** Trong nghiên cứu của chúng tôi, người cha có kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ không tốt chiếm tỷ lệ 70,9%, người cha có kiến thức tốt về nuôi con bằng sữa mẹ chiếm tỷ lệ 29,1%. Kết quả của tác giả Abhinaya nghiên cứu trên 93 ông bố tại Ấn Độ: 54 ông bố (58,1%) có kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ trước khi sinh và 68 ông bố (73,1%) muốn biết thêm thông tin sau khi trẻ chào đời. 90 ông bố (96,8%) cảm thấy rằng họ nhận được thông tin cần thiết, nhưng chỉ 34 (36,6%) nhận được giáo dục từ các nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Hầu hết các kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn ( $n = 84$ ), tính ưu việt của sữa mẹ, ( $n = 86$ ), mối quan hệ tình cảm được tạo ra bởi việc cho con bú ( $n = 70$ ) [1]. Các yếu tố trong nghiên cứu của tác giả Abhinaya cũng đều được chúng tôi đưa vào bộ câu hỏi phỏng vấn và được chấm điểm để mã hóa phân loại kiến thức tốt và chưa tốt theo thang điểm. Tác giả Abhinaya chỉ đưa ra kết quả có kiến thức hay chưa có kiến thức chứ không phân loại được mức độ kiến thức tốt hay không tốt của các ông bố về việc nuôi con bằng sữa mẹ như trong nghiên cứu của chúng tôi.

**Bàn luận về thái độ của người cha về việc nuôi con bằng sữa mẹ.** Kết quả nghiên cứu của chúng tôi, người cha có thái độ tiêu cực trong nuôi con bằng sữa mẹ chiếm tỷ lệ 54,3%. Tỷ lệ này thấp hơn so với tỷ lệ trong nghiên cứu của tác giả Manar W Abu-Abbas nghiên cứu trên 22 người cha đại diện cho tất cả các ông bố ở miền bắc Jordan có con dưới 5 tuổi (81,3%) [2]. Jordan là một quốc gia Tây Á, tại quốc gia này nhiều ông bố có thái độ tiêu cực và không muốn tham gia vào quá trình nuôi con bằng sữa mẹ. Nghiên cứu của họ cho thấy sự không tán thành của các ông bố đối với việc cho con bú nơi công cộng và điều này có thể liên quan đến bản chất bảo thủ của xã hội Jordan. Sự khác biệt về tỷ lệ này cho thấy sự khác nhau về văn hóa tác động rất nhiều đến thái độ của người cha trong việc nuôi con bằng sữa mẹ. Kết quả nghiên cứu của tác giả Lourdes García-Fragoso tại Puerto Rico cho thấy: hầu hết các ông bố (88%) muốn bạn đời của mình cho con bú. Hầu hết đàn ông (56%) cho biết rằng việc phụ nữ cho con bú nơi công cộng là chấp nhận được. Thái độ tiêu cực bao gồm cảm thấy ghen tị với việc cho con bú (10%), nghĩ rằng việc cho con bú có hại cho bầu ngực (17%), cho con bú khiến ngực xấu đi

(26%) và việc cho con bú làm tách con khỏi cha (7%) [3]. Các yếu tố này cũng đã được chúng tôi đưa vào bộ câu hỏi phỏng vấn và mã hóa thành thang điểm để phân loại thái độ tích cực và tiêu cực. Nghiên cứu của tác giả Lourdes García-Fragoso cho thấy hầu hết các ông bố đều có thái độ tích cực đối với việc nuôi con bằng sữa mẹ. Tác giả Lourdes García-Fragoso cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn và các chương trình giáo dục cho người cha sẽ giúp họ trở thành người hỗ trợ quan trọng cho bạn đời của mình.

Trong nghiên cứu của tác giả Yasmin Mithani tại Pakistan, hầu hết các ông bố đều tỏ ra háo hức tham gia và hỗ trợ bạn đời của mình thực hiện các phương pháp nuôi con bằng sữa mẹ đúng cách vì họ tin rằng làm như vậy là phù hợp với đức tin của họ [4]. Người ta cũng xác định rằng sự hỗ trợ đầy đủ từ các thành viên trong gia đình, các chuyên gia chăm sóc sức khỏe và người sử dụng lao động có thể cho phép các ông bố khuyến khích và tạo điều kiện cho bạn đời của họ bắt đầu và duy trì việc nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn và tối ưu. Các ông bố cũng xác định được một số trở ngại cho việc nuôi con bằng sữa mẹ. Nhiều người trong số họ cảm thấy rằng môi trường văn hóa xã hội, thiếu sự hỗ trợ của gia đình và sự khan hiếm của các nhà cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe là những thách thức đối với việc thực hành nuôi con bằng sữa mẹ đúng cách và mở rộng. Có thể nói đây cũng là những thách thức trong thực hành nuôi con bằng sữa mẹ tại Việt Nam.

## V. KẾT LUẬN

- Tuổi trung bình của người cha là  $29,82 \pm 5,43$ .
- Người cha có kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ không tốt chiếm tỷ lệ 70,9%. Người cha

có kiến thức về nuôi con bằng sữa mẹ tốt chiếm tỷ lệ 29,1%.

- Người cha có thái độ tiêu cực trong nuôi con bằng sữa mẹ chiếm tỷ lệ 54,3%. Người cha có thái độ tích cực trong nuôi con bằng sữa mẹ chiếm tỷ lệ 45,7%.

## VI. KHUYẾN NGHỊ

Cần tăng cường giáo dục người bố các kiến thức và lợi ích của việc nuôi con bằng sữa mẹ và khuyến khích họ trở thành người hỗ trợ bạn đời của mình trong việc nuôi con bằng sữa mẹ.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Abhinaya A, T.S A, Padmasani L.** Father's knowledge and attitude towards breast feeding. *Int J Med Res Rev [Internet]*. 2016Oct.31 [cited 2022Jun.12];4(10):1778-85.
2. **Abu-Abbas, M. W., Kassab, M. I., & Shelash, K. I. (2016).** Fathers And Breastfeeding Process: Determining Their Role And Attitudes. *European Scientific Journal*, ESJ, 12(18), 327. <https://doi.org/10.19044/esj.2016.v12n18p327>
3. **García-Fragoso L, Jiménez D, Ortiz N, Quintero M.** Father attitudes and knowledge about breastfeeding. *Bol Asoc Med P R*. 2013;105(4):37-40. PMID: 25154172.
4. **Mithani Y, Premani ZS, Kurji Z, Rashid S.** Exploring Fathers' Role in Breastfeeding Practices in the Urban and Semiurban Settings of Karachi, Pakistan. *J Perinat Educ*. 2015;24(4):249-60. doi: 10.1891/1058-1243.24.4.249. PMID: 26834446; PMCID: PMC4718012.
5. **Rempel LA, Rempel JK.** The breastfeeding team: the role of involved fathers in the breastfeeding family. *J Hum Lact*. 2011 May;27(2):115-21. doi: 10.1177/0890334410390045. Epub 2010 Dec 20. PMID: 21173422.
6. **World Health Organization (2012).** Global strategy for infant and young child feeding. Geneva, Switzerland. Retrieved December 16, 2012, from <http://whqlibdoc.who.int/publications/2003/9241562218.pdf>

# CHẤT LƯỢNG GIẤC NGỦ CỦA SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐẠI NAM VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN

Ngô Thị Huyền\*

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** đánh giá về chất lượng giấc ngủ của sinh viên điều dưỡng tại Đại học Đại Nam và tìm hiểu

một số yếu tố liên quan. **Đối tượng và phương pháp NC:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 220 sinh viên điều dưỡng đang học từ năm thứ nhất đến năm thứ 4 tại Trường Đại học Đại Nam. **Kết quả:** có 44,5% SV có điểm PSQI  $\leq 5$ . Chất lượng giấc ngủ liên quan đến áp lực kết quả học, sự kỳ vọng từ gia đình, quá tình tham gia làm thêm ngoài giờ, sự tinh táo và cân bằng trong công việc ( $p < 0,05$ ). **Kết luận:** Chất lượng giấc ngủ của SV chưa tốt, cần nâng cao hiểu biết cho SV về tầm quan trọng của giấc ngủ và cần có sự phối hợp hài hòa giữa nhà trường, gia đình để giảm tải tối đa những áp lực không đáng có cho SV.

\*Đại học Đại Nam

Chịu trách nhiệm chính: Ngô Thị Huyền

Email: Huyennt.dd@dainam.edu.vn

Ngày nhận bài: 16.5.2022

Ngày phản biên khoa học: 30.6.2022

Ngày duyệt bài: 12.7.2022